

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14** /2023/HSST

Ngày: 15 /02 /2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYỀN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Thu Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hà Hữu Bình** và bà **Lý Thị Nhân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Kim Tuyền** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Như Ngọc** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 143/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HS ngày 05/01/2023 đối với bị cáo:

BÙI VĂN L, sinh ngày 22/3/1995 tại tỉnh Tuyền Quang

Nơi cư trú: Thôn 13, xã L, thành phố T, tỉnh T;

Giới tính: Nam; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông **Bùi Văn H**, sinh năm 1971 và con bà **Phạm Thị K**, sinh năm 1973; vợ: **Hoàng Lâm Mỹ D**, sinh năm 1999 (đã ly hôn); con: Có 01 con, sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Không;

*Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã **Lưỡng Vượng**, thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang.*

Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

Bà **Nguyễn Thị Bích H**, sinh năm 1950

Địa chỉ: Số 1, đường Đ, phường T, thành phố Q, tỉnh B. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà **Phạm Thị K**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn 13, xã L, thành phố T, tỉnh T. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 7/2022, bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1950, trú tại số 1 Đ, phường T, thành phố Q, tỉnh Bnhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở trên đất của anh Trần Vũ L (trú cùng địa chỉ) với giá 239.500.000 đồng tại thôn Trung Hiệp, xã Hiệp An, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, bà H thanh toán trước 100.000.000 đồng, gồm 50.000.000 đồng giao trực tiếp bằng tiền mặt và 50.000.000 đồng bà H sử dụng ứng dụng ngân hàng Vietcombank cài đặt trên điện thoại di động chuyển số tiền từ tài khoản ngân hàng số 0051000 mở tại Ngân hàng TMCP N chi nhánh B mang tên Nguyễn Thị Bích H đến tài khoản số 105871387 mở tại Ngân hàng TMCP C chi nhánh T mang tên Trần Vũ L rồi lưu số tài khoản của anh L trong phần danh bạ giao dịch nhanh trên ứng dụng ngân hàng; số tiền 139.500.000 đồng còn lại thỏa thuận bà H sẽ thanh toán hết vào cuối tháng 7/2022.

Đến 09 giờ 48 phút ngày 28/7/2022, bà H dùng điện thoại di động đăng nhập vào tài khoản ngân hàng số 0051000 mục đích để chuyển tiền trả anh Trần Vũ L nhưng do mắt kém nên khi truy cập vào danh bạ trên ứng dụng của Vietcombank, bà H chọn nhầm tài khoản nhận và chuyển thành công số tiền 50.000.000 đồng đến tài khoản số 100872352968 mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam mang tên Bùi Văn L, trú tại Thôn 13, xã L, thành phố T, tỉnh T (là người quen của bà H).

Sau khi nhận được tin nhắn thông báo từ ngân hàng về việc tài khoản của mình được cộng số tiền 50.000.000 đồng, Bùi Văn L đến cửa hàng vàng bạc CT của anh Mai Quốc C, trú tại tổ dân phố 1, phường A, thành phố T chuyển khoản 8.000.000 đồng từ tài khoản của mình đến tài khoản số 106899976 mở tại Ngân hàng Viettinbank mang tên Dương Thị Ngọc T (dùng để giao dịch mua bán vàng của cửa hàng) mua 01 dây chuyền bằng vàng (loại 10k) với giá 8.300.000 đồng (trong đó 300.000 đồng trả tiền mặt là tiền cá nhân của L), sau đó L tiếp tục sử dụng 25.400.000 đồng do bà H chuyển nhầm đến để chi tiêu cá nhân; tính đến 03 giờ 54 phút ngày 29/7/2022, L sử dụng hết tổng cộng 33.400.000 đồng.

Đến 10 giờ 39 phút ngày 29/7/2022, bà H tiếp tục truy cập vào ứng dụng Vietcombank trên điện thoại di động, đăng nhập vào tài khoản ngân hàng trên của mình, mục đích để thanh toán số tiền chuyển nhượng đất còn lại là 89.500.000 đồng cho anh Trần Vũ L nhưng lại chuyển nhầm đến tài khoản số 100872352 của Bùi Văn L. Sau khi nhận được tin nhắn thông báo từ ngân hàng về việc tài khoản của mình được cộng số tiền 89.500.000 đồng, cùng ngày Bùi Văn L sử dụng hết 5.900.000 đồng từ tiền bà H chuyển nhầm để chi tiêu cá nhân.

Đến ngày 30/7/2022, phát hiện việc mình chuyển nhầm tiền nên bà H đến Ngân hàng Vietcombank chi nhánh thành phố Q, tỉnh B thông báo sự việc và được Ngân hàng cung cấp thông tin liên lạc của Bùi Văn L. Bà H gọi, nhắn tin qua ứng dụng zalo (L đăng ký tài khoản zalo là số điện thoại do Ngân hàng cung cấp cho bà H) thông báo cho L biết việc mình chuyển nhầm tiền đến tài khoản Ngân hàng của L và yêu cầu L phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền trên. Lúc này, tuy biết được tổng số tiền 139.500.000 đồng là của bà H chuyển nhầm đến tài khoản ngân hàng của mình nhưng L vẫn cố tình không trả lại mà tiếp tục sử dụng số tiền 100.200.000 đồng còn lại do bà H chuyển nhầm đến để chi tiêu cá nhân, đến ngày 06/8/2022 L sử

dụng hết toàn bộ số tiền trên.

Sau nhiều lần bà H yêu cầu Bùi Văn L hoàn trả số tiền 139.500.000 đồng chuyển nhằm vào tài khoản ngân hàng của Long nhưng không được, ngày 18/8/2022, bà Nguyễn Thị Bích H đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang trình báo sự việc.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 13/9/2022, Bùi Văn L đã tác động với mẹ đẻ là bà Phạm Thị K trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích H số tiền 139.500.000 đồng, bà H nhận tiền, không yêu cầu về dân sự và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bà K không yêu cầu bị cáo L trả lại số tiền trên.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Bùi Văn L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 03/CT-VKSTP ngày 19 tháng 12 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Bùi Văn L về tội *Chiếm giữ trái phép tài sản* theo quy định tại khoản 1 Điều 176 của Bộ luật hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên giữ quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Văn L phạm tội "*Chiếm giữ trái phép tài sản*". Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 176; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Bùi Văn L từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo; Đề nghị HĐXX ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo theo quy định pháp luật, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát trong thời gian thử thách.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo đối với bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; tuyên buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội, nội dung khai báo của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, không có tình tiết gì mới; bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Kết thúc phần tranh tụng, bị cáo Bùi Văn L nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật và rất ăn năn hành vi sai trái của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng

hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Bùi Văn L tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng Đơn trình báo và lời khai của người bị hại; lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; lời khai nhận tội của bị cáo cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 28 và 29/7/2022, tại khu vực thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, Bùi Văn L, cư trú tại thôn 13, xã L, thành phố T, tỉnh T đã có hành vi Chiếm giữ trái phép tài sản của bà Nguyễn Thị Bích H, trú tại số 1 Đ, phường T, thành phố Q, tỉnh B tổng số tiền 139.500.000 đồng (*Một trăm ba mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng*).

Bị cáo Bùi Văn L là người có năng lực trách nhiệm hình sự; đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đã có hành vi: Cố tình không trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp (bà Nguyễn Thị Bích H) và cũng không giao nộp cho cơ quan có trách nhiệm tài sản là tổng số tiền 139.500.000 đồng do bà H chuyển khoản nhầm. Hành vi của bị cáo được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý, mục đích vụ lợi, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố bị cáo Bùi Văn L về tội *Chiếm giữ trái phép tài sản* theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 176 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bùi Văn L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn L thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Đã tác động với mẹ đẻ là bà Phạm Thị K để bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại; Người bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về mức án: Hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Văn L đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân. Hành vi phạm tội của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo; giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với các quy định của Bộ luật hình sự nên chấp nhận.

Xét thấy bị cáo Bùi Văn L có nơi cư trú rõ ràng, có đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục tại địa phương. Vì vậy khi lượng hình, cho bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật cho bị cáo được hưởng án treo; giao bị cáo cho chính

quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo cũng đảm bảo việc răn đe và giáo dục đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà Phạm Thị K đã thay bị cáo hoàn trả cho người bị hại – bà Nguyễn Thị Bích H số tiền 139.500.000 đồng và không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền này; Người bị hại không có yêu cầu nào khác đối với bị cáo về dân sự nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 176; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Bùi Văn L** phạm tội “*Chiếm giữ trái phép tài sản*”

Xử phạt bị cáo Bùi Văn L **01** (Một) năm tù cho hưởng án treo, thử thách 02 (Hai) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/02/2023).

Giao bị cáo Bùi Văn L cho UBND xã L, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”

Trong trường hợp bị cáo Bùi Văn L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 136 khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí: Bị cáo Bùi Văn L phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo:

Bị cáo Bùi Văn L; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phạm Thị K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại Nguyễn Thị Bích H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TQ;
- VKS ND tỉnh TQ;
- VKS ND thành phố;
- Công an thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Sở Tư pháp TQ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Người tham gia tố tụng ;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

Đào Thị Thu Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hiền Lý Thuý Hà

Đào Thị Thu Thuỷ